

Số: 93 /TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng thông qua ngày 12/09/2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung Điều lệ :

- Phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới.
- Cụ thể hóa một số điều khoản của Điều lệ theo tình hình thực tế, làm cơ sở cho việc vận hành có hiệu quả các hoạt động của Công ty.

2. Nguyên tắc:

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty được tập trung, chú trọng vào những điểm mới của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, kết hợp xem xét, kế thừa các yếu tố đặc thù của Công ty đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán.

Với mục đích và nguyên tắc trên, Hội đồng quản trị đính kèm theo Tờ trình này bản Báo cáo những điểm sửa đổi, bổ sung và bản Dự thảo Điều lệ sau khi được sửa đổi, bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quốc Tuấn



BÁO CÁO

V/v: Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần
Kinh doanh vật tư và Xây dựng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Luật Doanh nghiệp mới)
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán mới)
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng thông qua ngày 12/09/2020 (Sau đây gọi tắt là Điều lệ hiện hành).

1. Lý do sửa đổi, bổ sung

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mới và thực tế hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

STT	Điều, khoản, điểm	Các nội dung sửa đổi, bổ sung		Lý do
		Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	
1	PHÂN MỞ ĐẦU	Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 194 ngày 12 tháng 9 năm 2020	Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021	Cập nhật số, ngày tháng ĐHĐCĐ thường niên 2021
2	Điều 1, Khoản 1, Điểm b	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	"Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	Sửa đổi theo số, ngày tháng Luật Doanh nghiệp mới và Luật Chứng khoán mới
3	Điều 1, Khoản 1, Điểm e	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11	"Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán	Sửa theo điều khoản của Luật mới

4	Điều 5, Khoản 8	<p>Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (<u>kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại</u>) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và văn bản hướng dẫn liên quan</u></p>	<p>Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành</p>	<p>Bỏ phần dẫn chiếu tới quy định của Luật cũ</p>
5	Điều 6, Khoản 2	<p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</u></p>	<p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp</u></p>	<p>Sửa theo điều khoản của Luật mới</p>
6	Điều 9, Khoản 4	<p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</p>	<p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</p>	<p>Sửa theo điều khoản của Luật mới</p>
7	Điều 11, Khoản 2, Điểm h	<p>Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 1, Điều 129 của Luật Doanh nghiệp</u></p>	<p>Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 1, Điều 132 của Luật Doanh nghiệp</u></p>	<p>Sửa theo điều khoản của Luật mới</p>

8	Điều 11, Khoản 3	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên</u> có các quyền sau:</p> <p>a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 35.2;</u></p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này</p>	Theo Khoản 2, Điều 115, Luật Doanh nghiệp mới
---	---------------------	--	--	---

9	Điều 11, Khoản 4	<p>Chuyển từ Điểm a, khoản 3, Điều 11 Điều lệ cũ: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu tháng</u> trở lên có các quyền sau: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Điều 24.3 và Điều 35.2</u>”</p>	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Điều 24.3 và Điều 35.2</u>	Theo Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp mới
10	Điều 13, Khoản 1	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</u>	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</u>	Theo Khoản 2, Điều 139, Luật Doanh nghiệp mới
11	Điều 13, Khoản 3, Điểm b, c, e	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ;</u></p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc</u></p>	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên <u>tối thiểu</u> mà luật pháp quy định;</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p>	Theo Khoản 1, Điều 140, Luật Doanh nghiệp mới

		Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;		
12	Điều 13, Khoản 4	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Khoản 3c Điều 13</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3d và 3e Điều 13</u>.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3d Điều 13</u> có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u></p>	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Khoản 3b Điều 13</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3c và 3d Điều 13</u></p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Khoản 3c Điều 13</u> có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u></p>	Sửa theo điều khoản của Điều lệ mới và Luật mới
13	Điều 14, Khoản 2, Điểm 1n,o	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>l. Quyết định <u>giao dịch</u> đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>n. <u>Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>;</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>l. Quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n. <u>Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u>;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng,</p>	Theo Khoản 2, Điều 138, Luật Doanh nghiệp mới

		o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	giao dịch với những đối tượng được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 167</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	
14	Điều 15, Khoản 2	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của công ty</u>	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo quy định của pháp luật về dân sự</u>	Theo Khoản 2, Điều 144, Luật Doanh nghiệp mới
15	Điều 17, Khoản 2	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>05 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>10 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Theo Khoản 1, Điều 141, Luật Doanh nghiệp mới
16	Điều 17, Khoản 3	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <u>10 (mười) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất <u>21 ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	Theo Khoản 1, Điều 143, Luật Doanh nghiệp mới
17	Điều 17, Khoản 5, Điểm b	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <u>10% cổ phần phổ thông</u> trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <u>05% cổ phần phổ thông</u>	Theo Khoản 2, điều 142, Luật Doanh nghiệp mới
18	Điều 18, Khoản 1	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u>	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u>	Theo Khoản 1, Điều 145, Luật Doanh nghiệp mới
19	Điều 19, Khoản 4	Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa	Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u>	Theo Điểm a, Khoản 2, Điều 146, Luật Doanh nghiệp mới
20	Điều 20, Khoản 1	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều 20, Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có <u>từ 51% trở lên</u> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 của Điều 20, Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành	Theo Khoản 2, Điều 148, Luật Doanh nghiệp mới

21	Điều 20, Khoản 3	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết tán thành	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết tán thành	Theo Khoản 4, Điều 148, Luật Doanh nghiệp mới
22	Điều 20, Khoản 4	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 144</u> Luật Doanh nghiệp	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 148</u> Luật Doanh nghiệp	Theo Khoản 3, Điều 148, Luật Doanh nghiệp mới
23	Điều 21, Khoản 3, Điểm g	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u>	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Theo Điểm g, Khoản 3, Điều 149, Luật Doanh nghiệp mới
24	Điều 21, Khoản 5, Điểm f	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u> , người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu	Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu	Theo Điểm e, Khoản 5, Điều 149, Luật Doanh nghiệp mới
25	Điều 22, Khoản 1, Điểm i	Chữ ký của chủ tọa và thư ký	Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u>	Theo Điểm i, Khoản 1, Điều 150, Luật Doanh nghiệp mới
26	Điều 23, Khoản 1	Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 148</u> của Luật Doanh nghiệp	Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 152</u> của Luật Doanh nghiệp	Theo Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp mới
27	Điều 24, Khoản 2	<u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ</u>	<u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</u>	Theo Khoản 3, Điều 154, Luật Doanh nghiệp mới

		<u>nhiệm</u>		
28	Điều 24, Khoản 3	Cổ đông và nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu <u>10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</u>	Cổ đông và nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu <u>10% tổng số cổ phần phổ thông</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</u>	Theo Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp mới
29	Điều 25, Khoản 4, Điểm c	Trong phạm vi quy định tại <u>Điều 149.2</u> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh)	Trong phạm vi quy định tại <u>Điều 153.2</u> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167</u> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh)	Sửa theo điều khoản của Luật mới
30	Điều 26, Khoản 1	Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>sẽ không</u> kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có thể</u> kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty	Theo Khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp mới
31	Điều 30, Khoản 1	Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm <u>và được nêu trong báo cáo thường niên</u> của Công ty	Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty	Theo Khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp mới

32	Điều 30, Khoản 2	Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể <u>không phải</u> là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước, người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và các trường hợp khác theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18</u> của Luật Doanh nghiệp	Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước, người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và các trường hợp khác theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 17</u> của Luật Doanh nghiệp	Sửa theo khoản của Luật mới
33	Điều 30, Khoản 2	Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có <u>từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành</u> (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. <u>Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất</u>	Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi <u>đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành</u> (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế	Theo Khoản 12, Điều 157, Luật Doanh nghiệp mới
34	Điều 33, Khoản 5	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 164</u> Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	Sửa theo khoản của Luật mới
35	Điều 35, Khoản 1	Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. <u>Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có</u>	Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều	Theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp mới

		<p><u>chuyên môn về tài chính kế toán.</u> Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</u></p>	<p>kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.</u> Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p>	
36	Điều 35, Khoản 2	<p>Cổ đông <u>nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u> có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</u></p>	<p>Cổ đông và nhóm cổ đông <u>nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</u></p>	<p>Theo Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp mới</p>
37	Điều 36, Khoản 1	<p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</u></p>	<p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</u></p>	<p>Sửa theo điều khoản của Luật mới</p>
38	Điều 45, Khoản 1	<p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật <u>cũng như các quy định của Ủy ban</u></p>	<p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy</p>	<p>Theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty</p>

		<u>Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và cơ quan đăng ký kinh doanh</u>	định tại Điều 47 của Điều lệ này. <u>Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật</u>	
39	Điều 46	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng <u>theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</u>	Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng <u>và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo những quy định của pháp luật</u>	Theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty
40	Điều 47, Khoản 1, 2, 3, 4	<p>1. <u>Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. <u>Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u></p> <p>3. <u>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <u>Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u></p>	Theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty

		<p><u>cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</u></p> <p>4. <u>Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</u></p>		
41	Điều 55, Khoản 1	<p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng nhất trí thông qua ngày <u>12 tháng 9 năm 2020 tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2020</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này</p>	<p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng nhất trí thông qua ngày <u>... tháng ... năm 2021 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này</p>	<p>Cập nhật theo ngày tháng năm ĐHĐCĐ thường niên 2021</p>
42	Điều 55, Khoản 2	<p>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. <u>01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</u></p> <p>b. <u>05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</u></p> <p>c. <u>04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty</u></p>	<p>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, <u>được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</u></p>	<p>Theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty</p>